TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS - ST
Ngày 10 tháng 9 năm 2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ H
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị H và ông Lê Văn B;
-Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh L – Thư ký TAND khu vực 10 – Thanh Hoá;
-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn M - Kiểm sát viên.

Vào ngày 10 tháng 9 năm 2025. Tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa. đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 07/2025/TLST – DS ngày 20/5/2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐST – DS, ngày 27/8/2025. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cầm Thị H, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Thôn 3, xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Nay là: Thôn Thanh Trung 3, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa). (có mặt)
Số CCCD: 038178009225 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/11/2024.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thoa – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Sơn Trà, Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hoá.(có mặt)
Địa chỉ: LK4, khu nhà ở sinh thái Xanh FLC, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Thôn 3, xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (Nay là: Thôn Thanh Trung 3, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa). (có mặt)
Số CCCD: 038184009320 do Bộ Công an cấp ngày 25/9/2024.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/03/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Cầm Thị H trình bày:

Do có mối quan hệ là chị em trong gia đình, nên vào ngày 06/11/2016 chị Hư cho chị Nguyễn Thị H1 vay số tiền 54.800.000đ(Năm bốn triệu tám trăm nghìn đồng), tiếp đó vào ngày 10/7/2017 chị H cho chị H1 vay tiếp số tiền 90.000.000đ(chín mươi triệu đồng). Tổng số tiền vay là 144.800.000đ, hợp đồng vay không có thời hạn và lãi suất theo thỏa thuận. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, chị H1 có trả cho chị H số tiền 26.000.000đ(được chia làm 03 lần: lần 1 là 20.000.000đ, lần 2 là 5.000.000đ, lần 3 là 1.000.000đ) sau đó chị H1 không thực hiện việc trả nợ cho chị H. Chị H đã nhiều lần yêu cầu chị H1 thực hiện việc trả nợ nhưng chị H1 không thực hiện. Vì vậy chị H khởi kiện ra Tòa án buộc chị Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm trả nợ cho chị số tiền gốc là 144.800.000đ(Một trăm bốn bốn triệu tám trăm nghìn đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/7/2025 chị H có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện gửi đến Tòa án, cụ thể chị H rút yêu cầu đối với số tiền 26.000.000đ mà chị H1 đã thanh toán cho chị H trong quá trình thực hiện hợp đồng vay. Đề nghị chị H1 phải trả cho chị số tiền 118.800.000đ(Một trăm mười tám triệu tám trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai ngày 23/6/2025 bị đơn Nguyễn Thị H1 trình bày: Qua giới thiệu chị được biết chị Cầm Thị H, trú tại thôn 3, xã Thọ Thanh, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa chuyên cho vay tiền lãi nặng. Năm 2016 chị có vay của chị H số tiền 34.000.000đ(Ba tư triệu đồng), quá trình vay chị có trả lãi cho chị H nhưng do chị H tính lãi quá cao nên chị H1 trả chậm lãi. Đến tháng 11/2016 do không kịp trả lãi nên chị H có yêu cầu chị H1 viết giấy nợ tính từ tiền lãi sang tiền gốc là 54.800.000đ, tháng 7/2017 chị H có gọi chị H1 sang nhà và bắt chị H1 viết giấy nợ chuyển từ lãi sang gốc lần 2, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay chị H1 có trả cho chị H 5 lần bằng 60.000.000đ cả tiền gốc lẫn tiền lãi nhưng không ghi giấy tờ gì.

Tại biên bản hòa giải lần 1 ngày 23/6/2025 chị H1 trình bày: Năm 2016 chị có vay của chị H số tiền 34.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng vay có trả lãi cho chị H nhưng do chị H tính lãi quá cao nên chị H1 chậm trả lãi, đến tháng 11/2016 do không kịp trả lãi nên chị H có yêu cầu chị viết giấy nợ tính từ tiền lãi sang tiền gốc là 54.800.000đ; ngày 10/7/2017 chị vay thêm của chị H số tiền 90.000.000đ. Tổng số tiền nợ là 144.800.000đ, sau đó chị 03 lần trả tiền nợ cho chị H số tiền là 26.000.000đ. Chị Hoa thừa nhận còn nợ chị H số tiền gốc là 118.800.000đ, do gia đình điều kiện kinh tế khó khăn nên chị đề nghị chị H tạo điều kiện cho chị trả nợ số tiền trên trong vòng từ 1,5 năm đến 02 năm, nếu chị H không thống nhất thì chị sẽ cung cấp tài liệu chứng minh số tiền chị H chốt nợ còn lại là 50.000.000đ.

Tại biên bản hòa giải lần 2 ngày 14/8/2025 chị H1 trình bày: Năm 2016 chị có vay của chị H số tiền 34.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng vay chị H1 không trả đượ tiền lãi, nên chị H cộng cả tiền gốc vay và tiền lãi là 54.800.000đ; ngày 10/7/2017 chị H1 vẫn chưa trả được tiền vay cho chị H nên chị H tính tổng tiền vay gốc và tiền lãi là 90.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng vay chị đã trả

được cho chị H 03 lần là 26.000.000đ tiền gốc, số tiền gốc chị nợ lại chị H là 64.000.0000đ. Do gia đình điều kiện kinh tế khó khăn nên chị đề nghị chị H tạo điều kiện cho chị trả nợ dần số tiền trên cho đến hết trong vòng 02 năm

Ngày 24/7/2025, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thanh Hóa ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 05/2025/QĐ – CCTLCC, yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị H1 cung cấp cho Tòa án các giấy tờ liên quan đến việc trả lãi của các khoản vay cho chị H, các giấy tờ liên quan đến việc trả số tiền nợ gốc của các khoản vay trên nhưng chị H1 không cung cấp được.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thống nhất với nguyên đơn về số tiền nợ mà bị đơn nợ nguyên đơn là 144.800.000đ của 02 khoản vay ngày 06/11/2016 và 10/7/2017(Giấy vay tiền có chữ ký của người vay, không thể hiện lãi suất), quá trình thực hiện hợp đồng vay nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn được số tiền nợ là 26.000.000đ, còn lại số tiền 118.800.000đ bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn; về lãi suất bị đơn bị đơn cho rằng vay tiền có lãi và đã trả lãi cho nguyên đơn hàng tháng, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay bị đơn không xuất trình được bất kỳ tài liệu nào chứng minh việc bị đơn đã trả lãi và nợ gốc cho nguyên đơn, bị đơn cho rằng chỉ còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 64.000.000đ là không có căn cứ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ chưa thanh toán là 118.800.000đ; về án phí buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật và đúng thời hạn; xác định đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại phiên tòa đúng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa diễn ra đúng các thủ tục quy định.

- Đối với việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa được quy định tại điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 274, 275, 280, 351,463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26, các Điều 147, 235, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Thị H1 phải trả cho nguyên đơn Cầm Thị H số tiền nợ 118.800.000đ;

đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị H1 trả số tiền nợ là 26.000.000đ; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Cầm Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị H1 trả số tiền vay 144.800.000đ(Một trăm bốn bốn triệu tám trăm nghìn đồng), không yêu cầu lãi suất. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Nguyễn Thị H1 có nơi cư trú tại Thôn Thanh Trung 3, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Cầm Thị H trình bày: Do có mối quan hệ là chị em trong gia đình, nên vào ngày 06/11/2016 chị H cho chị Nguyễn Thị H1 vay số tiền 54.800.000đ, tiếp đó vào ngày 10/7/2017 chị H cho chị H1 vay tiếp số tiền 90.000.000đ. Tổng số tiền vay là 144.800.000đ, hợp đồng vay không có thời hạn, không thể hiện lãi suất. Chị H thừa nhận trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, chị H1 có trả cho chị H số tiền 26.000.000đ sau đó chị H1 không thực hiện việc trả nợ cho chị H. Chị H đã nhiều lần yêu cầu chị H1 thực hiện việc trả nợ nhưng chị H1 không thực hiện. Vì vậy chị H khởi kiện ra Tòa án buộc chị Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm trả nợ cho chị số tiền là 144.800.000đ(Một trăm bốn bốn triệu tám trăm nghìn đồng), không thể hiện lãi suất.

Ngày 23/7/2025 chị H có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện gửi đến Tòa án, cụ thể chị H rút yêu cầu đối với số tiền 26.000.000đ mà chị H1 đã thanh toán cho chị H trong quá trình thực hiện hợp đồng vay. Đề nghị chị H1 phải trả cho chị số tiền 118.800.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị H1 không thừa nhận số tiền nợ gốc 144.800.000đ như chị H trình bày mà chị H1 cho rằng số tiền nợ gốc chị vay chị H là 34.000.000đ, quá trình thực hiện hợp đồng vay chị H1 không trả được tiền lãi, nên chị H cộng cả tiền gốc vay và tiền lãi là 54.800.000đ; ngày 10/7/2017 chị H1 vẫn chưa trả được tiền vay cho chị H nên chị H tính tổng tiền vay gốc và tiền lãi là 90.000.000đ. Chị H1 cho rằng chị vay tiền của chị H với lãi suất cao, số tiền nợ gốc là do chị H cộng dồn lãi suất. Toà án đã ra

quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, nhưng chị H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh chị H cho chị H1 vay tiền với lãi suất cao và giấy tờ chứng minh chị H1 đã trả tiền gốc, tiền lãi cho chị H đối với khoản vay trên. Khai nại này của chị H1 không được chị H chấp nhận.

Về tiền nợ: Nguyên đơn Cầm Thị H và bị đơn bị đơn Nguyễn Thị H1, tại biên bản hòa giải lần 1 ngày 23/6/2025 các bên thống nhất số tiền nợ gốc mà chị H1 có trách nhiệm trả cho chị H là 118.800.000đ(Một trăm mười tám triệu tám trăm nghìn đồng), đề nghị chị H tạo điều kiện cho chị trả nợ số tiền trên trong vòng từ 1,5 năm đến 02 năm, đề nghị này không được chị H đồng ý; tại biên bản hòa giải lần 2 ngày 14/8/2025 chị H1 trình bày số tiền chị nợ lại chị H là 64.000.0000đ. Do gia đình điều kiện kinh tế khó khăn nên chị đề nghị chị H tạo điều kiện cho chị trả nợ dần số tiền trên cho đến hết trong vòng 02 năm, đề nghị này không được chị H chấp nhận.

Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền nợ 118.800.000đ; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị H1 trả số tiền nợ là 26.000.000đ và xử lý án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên, xét lời khai nại của bị đơn Nguyễn Thị H1 về số tiền nợ, tiền lãi suất, số tiền lãi đã trả là không có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cầm Thị H là phù hợp với quy định của pháp luật dân sự.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Cầm Thị H được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Thị H1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và điểm b tiểu mục 1.3, mục II danh mục án phí Tòa án. Hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp. theo biên lai thu tiền số 0003756 ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a, điểm a, khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 244, 266, 271 và 273 BLTTDS 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15

Căn cứ vào các Điều 274, 275, 280, 351,463, 466 BLDS 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 và điểm b tiểu mục 1.3, mục II danh mục án phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cầm Thị H.

2.Buộc bị đơn Nguyễn Thị H1 trả cho nguyên đơn Cầm Thị H số tiền là **118.800.000**đ(Một trăm mười tám triệu tám trăm nghìn đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người được thi hành án yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất giới hạn quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Cầm Thị H về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị H1 phải trả số tiền nợ là 26.000.000đ(Hai sáu triệu đồng).

3.Án phí: Bị đơn Nguyễn Thị H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: **5.940.000**đ (Năm triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn Cầm Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị Cầm Thị H số tiền tạm ứng án phí **3.620.000đ**(Ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003756 ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thường Xuân (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Thanh Hoá).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND khu vực 10 – Thanh Hoá;
- Phòng THADS khu vực 10 – Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Sỹ Hỷ